

THỰC HÀNH QUẢN TRỊ TỐT TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN: MỘT SỐ CÁC TIẾP CẬN LÝ THUYẾT CỦA QUỐC TẾ

★ TS. NGUYỄN THỊ KIM CHUNG

Khoa Luật,

Học viện Hành chính và Quản trị công

- **Tóm tắt:** Bài viết phân tích mối quan hệ lý thuyết giữa quản trị tốt và nhà nước pháp quyền - hai khái niệm ngày càng giữ vai trò trung tâm trong cải cách thể chế hiện nay. Trên cơ sở hệ thống hóa các nguyên tắc cốt lõi của quản trị tốt và nhà nước pháp quyền, bài viết chỉ ra rằng mặc dù hai khái niệm này thường được trình bày như những yếu tố bổ trợ lẫn nhau trong các phát biểu chính sách, song giữa chúng tồn tại những khác biệt về nền tảng nguyên tắc, cách thiết kế thể chế và mục tiêu điều chỉnh. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị cần tiếp cận quản trị tốt và nhà nước pháp quyền như một mối quan hệ tương tác linh hoạt, gắn liền với bối cảnh chính trị - pháp lý cụ thể của từng quốc gia, thay vì áp dụng máy móc các mô hình phổ quát.
- **Từ khóa:** Quản trị tốt; nhà nước pháp quyền; xây dựng nhà nước pháp quyền.

Đặt vấn đề

Trong những thập niên gần đây, khái niệm “quản trị tốt” (good governance) và “nhà nước pháp quyền” (rule of law) được sử dụng khá phổ biến như một tiêu chuẩn toàn cầu trong đánh giá chất lượng điều hành của các thiết chế công. Các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Liên hợp quốc hay các tổ chức tài trợ phát triển đã thúc đẩy mạnh mẽ việc lồng ghép hai khái niệm này vào chương trình cải cách hành chính và xây dựng thể chế của các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, nhiều quốc gia gặp phải những thách thức về lý thuyết

và thực tiễn khi phải đồng thời bảo đảm các nguyên tắc quản trị tốt và các giá trị cốt lõi của nhà nước pháp quyền.

Về mặt lý thuyết, quản trị tốt thường được gắn với hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, sự minh bạch và trách nhiệm giải trình, trong khi nhà nước pháp quyền nhấn mạnh đến vai trò tối cao của pháp luật, sự độc lập của tư pháp và việc giới hạn quyền lực nhà nước. Sự khác biệt này khiến việc kết hợp hai khái niệm vào một mô hình thể chế thống nhất đặt ra nhiều vấn đề đáng chú ý: Liệu việc đơn giản hóa thủ tục hành chính để tăng hiệu quả có làm suy yếu tính hợp pháp?

Liệu các thiết kế thể chế nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân có làm xói mòn sự kiểm soát pháp luật? Và, liệu pháp luật là công cụ hỗ trợ hay là yếu tố giới hạn trong cải cách quản trị?

Bài viết này hướng đến việc lý giải mối quan hệ phức tạp và đa chiều giữa quản trị tốt và nhà nước pháp quyền, thông qua phân tích một số quan điểm lý thuyết kết hợp với so sánh kinh nghiệm thực tiễn từ một số quốc gia Đông Nam Á như Singapore, Indonesia và Malaysia. Từ đó, bài viết góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền hiện đại, trong đó các nguyên tắc quản trị tốt được thể chế hóa một cách hài hòa, phù hợp với bối cảnh chính trị - pháp lý cụ thể của Việt Nam và các quốc gia đang phát triển.

1. Quản trị tốt: Khái niệm và các nguyên tắc chính

Từ thập niên 1990, quản trị đã trở thành khái niệm trung tâm trong các thảo luận về hành chính công và phát triển thể chế. Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới (1994)⁽¹⁾ “quản trị là cách thức quyền lực được thực thi trong quản lý các nguồn lực kinh tế và xã hội của một quốc gia nhằm phục vụ phát triển”. Khái niệm này nhấn mạnh vào năng lực thể chế và chất lượng quản lý nhà nước. Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình dương của Liên hợp quốc (UN-ESCAP) (2009)⁽²⁾ mở rộng cách tiếp cận này khi định nghĩa quản trị là “quá trình ra quyết định và thực thi (hoặc không thực thi) các quyết định đó”. Trong khi đó, Báo cáo của Ủy ban Quản trị toàn cầu (1995)⁽³⁾ tiếp cận quản trị theo nghĩa rộng hơn, xem đây là “tổng thể các phương thức mà cá nhân và tổ chức, công và tư, điều phối các vấn đề chung của họ”, bao gồm cả cơ chế chính thức và phi chính thức (2018)⁽⁴⁾.

Từ các định nghĩa trên có thể thấy, quản trị

không đơn thuần là sản phẩm của các thể chế nhà nước mà là một hệ thống quy trình điều phối - bao gồm sự tương tác giữa các chủ thể, quy tắc, chuẩn mực và kết quả. Trên nền tảng đó, khái niệm “quản trị tốt” được định hình như một mô hình quy chuẩn nhằm tối đa hóa hiệu quả, nâng cao tính chính đáng và củng cố trách nhiệm trong quản lý công, đặc biệt tại các quốc gia theo mô hình dân chủ pháp quyền (2007)⁽⁵⁾.

Việc hình thành khái niệm quản trị cũng gắn liền với sự phản ứng đối với thất bại của cả thị trường lẫn mô hình nhà nước truyền thống. Như Jessop (1999)⁽⁶⁾ chỉ ra, các cơ chế quản trị đã được xây dựng như một “giải pháp trung gian” để khắc phục sự can thiệp quá mức của nhà nước và các hạn chế cố hữu của thị trường tự do trong việc cung ứng dịch vụ công một cách hiệu quả, công bằng và có trách nhiệm.

Quản trị tốt được xác lập trên một tập hợp nguyên tắc mang tính toàn diện và có tính chất tương hỗ lẫn nhau. UNESCAP (2009)⁽⁷⁾ xác định tám nguyên tắc cốt lõi của quản trị tốt, bao gồm: trách nhiệm giải trình, minh bạch, tính đáp ứng, công bằng và bao trùm, hiệu quả và hiệu lực, nhà nước pháp quyền, tham gia và định hướng đồng thuận. Những nguyên tắc này ngày càng được phổ quát hóa và nội luật hóa bởi các chính phủ, các tổ chức khu vực và quốc tế (2010)⁽⁸⁾. Cụ thể là:

Trách nhiệm giải trình: Yêu cầu các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình thông qua các thiết chế giám sát độc lập và cơ chế pháp lý rõ ràng. Trách nhiệm này bao gồm cả nghĩa vụ báo cáo, giải trình và chịu xử lý khi có vi phạm (2007)⁽⁹⁾.

Minh bạch: Minh bạch là tiền đề để củng cố niềm tin xã hội và hiệu lực thực thi chính sách (2007)⁽¹⁰⁾. Nguyên tắc này bảo đảm công khai thông tin liên quan đến quá trình ra quyết định và

chi tiêu công, từ đó, tạo điều kiện cho công dân giám sát và tham gia.

Tính đáp ứng: Thể hiện năng lực của bộ máy hành chính trong việc tiếp nhận và phản hồi nhanh chóng, chính xác nhu cầu của người dân. Đây không chỉ là phản ứng mà còn là năng lực chủ động tương tác trong cung ứng dịch vụ công (2000)⁽¹¹⁾.

Công bằng và bao trùm: Nhấn mạnh đến tính không phân biệt đối xử, bảo đảm mọi nhóm xã hội - đặc biệt là nhóm yếu thế - đều có cơ hội tiếp cận và tham gia vào quá trình ra quyết định công.

Hiệu quả và hiệu lực: Phản ánh khả năng của các thiết chế nhà nước trong việc tối ưu hóa nguồn lực, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời cung ứng dịch vụ công kịp thời và đúng mục tiêu (2013)⁽¹²⁾.

Nhà nước pháp quyền: Là nền tảng bảo đảm sự ổn định thể chế, giới hạn quyền lực công và bảo vệ quyền cơ bản của người dân. Pháp luật không chỉ được tuân thủ mà còn phải công bằng, rõ ràng và được thực thi bởi một hệ thống tư pháp độc lập (1998)⁽¹³⁾.

Tham gia: Công nhận quyền và vai trò của mọi công dân, cả nam và nữ, trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách công. Điều này bao gồm cả việc thiết lập cơ chế tham vấn, tiếp cận thông tin và giáo dục công dân.

Định hướng đồng thuận: Hướng đến sự hài hòa các lợi ích khác biệt nhằm đạt được sự đồng thuận xã hội về các chính sách và mục tiêu phát triển lâu dài.

Tám nguyên tắc này không tồn tại một cách biệt lập mà vận hành như một hệ thống gắn kết và tương hỗ. Minh bạch hỗ trợ cho trách nhiệm giải trình; tham gia là điều kiện cho sự đồng thuận; và nhà nước pháp quyền chính là cơ chế bảo đảm toàn bộ hệ thống quản trị vận hành đúng quy chuẩn (2004)⁽¹⁴⁾.

Như vậy, có thể khẳng định, quản trị tốt không đơn thuần là một kỹ thuật quản lý hành chính, mà còn là yêu cầu chính trị - pháp lý cốt lõi đối với tính chính đáng, hiệu lực và phát triển bền vững của nhà nước. Quản trị tốt đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa năng lực hành động và giới hạn quyền lực - một trạng thái trong đó quyền lực công bị ràng buộc bởi các quy định pháp luật và đạo đức. Như một số tác giả đã chỉ ra, việc áp dụng các nguyên tắc quản trị tốt trong bối cảnh các quốc gia chuyển đổi không chỉ là chiến lược hiện đại hóa nền hành chính mà còn là cách thức để nâng cao tính hợp pháp và chất lượng thể chế nhà nước hiện đại.

2. Nhà nước pháp quyền: Khái niệm, tiến trình phát triển và vận dụng trong quản trị

Nhà nước pháp quyền là một nguyên tắc nền tảng trong tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước nhằm đối lập với các hình thức quản lý mang tính tùy tiện - đặc biệt trong bối cảnh quyền lực tập trung tuyệt đối vào ý chí chủ quan của một cá nhân hay một nhóm cầm quyền (2013)⁽¹⁵⁾.

Cốt lõi của nguyên tắc nhà nước pháp quyền là công bằng và sự kiểm soát quyền lực, bác bỏ mọi hình thức hành xử ngoài quy định pháp luật. Nguyên tắc này được thừa nhận rộng rãi trong các văn kiện pháp luật quốc tế như Hiến chương Liên hợp quốc, phản ánh vai trò trung tâm của nó trong bảo đảm trật tự và công bằng ở cấp độ toàn cầu.

Lời nói đầu của Hiến chương Liên Hợp Quốc nêu rõ một trong những mục tiêu cốt lõi của tổ chức này là “thiết lập các điều kiện để công bằng và sự tôn trọng các nghĩa vụ phát sinh từ điều ước quốc tế và các nguồn luật quốc tế được duy trì” (1945)⁽¹⁶⁾. Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền (1948)⁽¹⁷⁾ cũng khẳng định rằng: “cần phải có sự bảo vệ quyền con người bằng pháp luật nếu con người không muốn bị buộc phải nổi dậy như một biện pháp cuối cùng chống lại sự chuyên chế và

đàn áp” (1948)⁽¹⁸⁾. Như vậy, pháp luật không chỉ là công cụ điều chỉnh hành vi, mà còn là một thiết chế bảo vệ phẩm giá và quyền con người.

Ở cấp độ quốc gia, nhà nước pháp quyền đòi hỏi quản lý nhà nước phải dựa trên nền tảng Hiến pháp và hệ thống pháp luật thống nhất, trong đó Hiến pháp giữ vị trí tối cao. Nguyên tắc này được hiện thực hóa thông qua các thiết chế pháp lý vững mạnh như tòa án độc lập, cơ quan thực thi pháp luật có năng lực, và cơ chế bảo vệ quyền con người hiệu quả (2013)⁽¹⁹⁾. Đồng thời, nhà nước pháp quyền đòi hỏi sự tham gia tích cực của người dân và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện và bảo đảm trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền, từ đó thiết lập môi trường công bằng và củng cố niềm tin công.

Trên bình diện quốc tế, nhà nước pháp quyền được khẳng định như một cấu phần cốt lõi trong quá trình duy trì hòa bình, phát triển và hợp tác giữa các quốc gia. Tuyên bố về các nguyên tắc của luật pháp quốc tế liên quan đến quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia nhấn mạnh rằng: “hòa bình và an ninh, phát triển, quyền con người, nhà nước pháp quyền và dân chủ là những yếu tố gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau”⁽²⁰⁾. Điều này cho thấy nhà nước pháp quyền không chỉ có giá trị nội tại trong cấu trúc chính trị - pháp lý quốc gia mà còn có chức năng điều phối và kiểm soát hành vi quốc tế, bảo đảm rằng các quốc gia tôn trọng nghĩa vụ pháp luật và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Về mặt lý luận, nền tảng của nhà nước pháp quyền hiện đại có thể truy nguyên từ tư tưởng của A.V. Dicey, người xây dựng học thuyết pháp quyền trong tác phẩm kinh điển *Introduction to the Study of the Law of the Constitution* (1885)⁽²¹⁾. Dicey xác lập ba nguyên lý cốt lõi: (1) Tính hợp pháp, nghĩa là không cá nhân nào bị xử phạt trừ khi vi phạm một quy định pháp luật cụ thể;

(2) Bình đẳng trước pháp luật, không ai, kể cả quan chức nhà nước, được miễn trừ trách nhiệm pháp luật; và (3) Bảo đảm quyền cá nhân thông qua hệ thống tư pháp độc lập, mà theo Dicey, có hiệu quả hơn trong khuôn khổ hiến pháp bất thành văn của Anh so với mô hình hiến pháp thành văn (1885)⁽²²⁾.

Mặc dù Dicey bị phê phán vì quan điểm đề cao hệ thống hiến pháp Anh, các nguyên lý mà ông đề xuất - đặc biệt là sự giới hạn quyền lực và bảo đảm quyền tự do cá nhân - vẫn giữ vai trò trung tâm trong các diễn ngôn hiện đại về nhà nước pháp quyền (2004)⁽²³⁾. Các học giả đương đại như Tamanaha (2004)⁽²⁴⁾ đã mở rộng học thuyết này bằng cách nhấn mạnh rằng nhà nước pháp quyền không thể chỉ là khẩu hiệu chính trị hay khái niệm lý thuyết mà phải được cụ thể hóa trong quá trình thực thi pháp luật. Theo ông, một hệ thống pháp luật công bằng, khả thi và minh bạch; một nền tư pháp độc lập, có thể tiếp cận; cùng với các cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa nhà nước pháp quyền trong thực tiễn quản trị.

Tóm lại, nhà nước pháp quyền là trụ cột thiết yếu của cả quản trị quốc gia và hệ thống pháp luật quốc tế. Dù khái niệm này đã trải qua quá trình phát triển lâu dài - từ các tư tưởng cổ đại của Plato, Aristotle cho đến học thuyết hiện đại và thực tiễn quốc tế đương đại - các nguyên lý nền tảng như tính hợp pháp, bình đẳng trước pháp luật và bảo vệ quyền con người vẫn giữ nguyên giá trị định hướng.

Trong bối cảnh hiện đại, khi các thách thức đối với quyền lực nhà nước, niềm tin công và công bằng xã hội ngày càng phức tạp, việc xây dựng và củng cố nhà nước pháp quyền không chỉ là yêu cầu chính trị - pháp lý mà trở thành nền tảng cho một nền quản trị hiệu quả, chính đáng và bền vững.

3. Một số vấn đề lý luận đặt ra về mối quan hệ giữa quản trị tốt và nhà nước pháp quyền

Mối quan hệ giữa quản trị tốt và nhà nước pháp quyền đặt ra nhiều vấn đề lý luận cần tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống. Dù hai khái niệm này thường được trình bày như những yếu tố tương hỗ trong các diễn ngôn cải cách, nhưng xét về nền tảng chuẩn tắc và hệ quả thể chế, giữa chúng tồn tại những điểm không đồng nhất, cả trên bình diện lý thuyết lẫn thực tiễn.

(1) Cân bằng giữa tính hiệu quả và tính chính danh

Quản trị tốt thường gắn với hiệu quả điều hành và chất lượng thực thi chính sách công, trong khi nhà nước pháp quyền nhấn mạnh đến tính chính danh, thủ tục công bằng và sự giới hạn quyền lực nhà nước thông qua quy định pháp luật⁽²⁵⁾. Xung đột tiềm ẩn giữa hai yêu cầu này có thể xuất hiện khi các biện pháp cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả - như đơn giản hóa thủ tục hoặc rút ngắn quy trình - làm suy giảm các cơ chế đảm bảo tuân thủ pháp luật và làm mờ nhạt quyền tiếp cận công bằng của người dân. Ngược lại, việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định thủ tục có thể gây cản trở cho sự linh hoạt và đổi mới trong quản lý nhà nước⁽²⁶⁾. Vấn đề lý luận đặt ra là xác lập điểm cân bằng giữa tính hiệu quả trong quản trị và tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục, trong đó cả hai yếu tố này đều cần được bảo đảm trên thực tiễn quản lý.

(2) Thiết kế thể chế và vai trò của pháp luật

Một thách thức lý luận quan trọng là xác định mô hình thể chế phù hợp có thể đồng thời bảo đảm nguyên tắc nhà nước pháp quyền và các tiêu chí của quản trị tốt. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi hệ thống pháp luật vững chắc, hệ thống toà án xét xử độc lập và khả năng tiếp cận công bằng rộng rãi⁽²⁷⁾. Trong khi đó, quản trị tốt mở rộng yêu cầu về sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước,

bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội và khu vực tư nhân trong quá trình hoạch định và giám sát chính sách. Vấn đề lý luận đặt ra là làm thế nào để thiết kế được khuôn khổ pháp luật điều chỉnh được một cấu trúc quản trị gồm nhiều chủ thể nhưng vẫn bảo đảm được sự thống nhất, hiệu lực và niềm tin pháp lý của công chúng đối với bộ máy nhà nước.

(3) Phân biệt giữa “quản trị bằng pháp luật” và “nhà nước pháp quyền thực chất”

Trong các thể chế chuyển đổi hoặc phi tập trung quyền lực chưa hoàn thiện, việc sử dụng pháp luật có thể chỉ mang tính công cụ nhằm củng cố năng lực quản lý, thay vì phản ánh bản chất dân chủ. Điều này dẫn đến sự phân biệt quan trọng về lý luận giữa “quản trị bằng pháp luật” - khi pháp luật chỉ là phương tiện vận hành quyền lực - và “nhà nước pháp quyền thực chất” - nơi mọi quyền lực công bị ràng buộc bởi quy định pháp luật rõ ràng, công khai và được thực thi công bằng, không phân biệt đối tượng⁽²⁸⁾. Khi thiếu vắng các cơ chế kiểm soát quyền lực thực chất, nguy cơ hợp pháp hóa các hình thức quản trị tùy tiện có thể xuất hiện, từ đó đặt ra yêu cầu tiếp cận phê phán đối với các thiết chế pháp lý trong bối cảnh chính trị cụ thể.

(4) Chủ nghĩa phổ quát hay tiếp cận theo ngữ cảnh trong thực thi nguyên tắc

Mặc dù các nguyên tắc của quản trị tốt và nhà nước pháp quyền được thừa nhận rộng rãi về mặt lý luận trong nhiều tài liệu quốc tế, song việc thực thi chúng lại chịu ảnh hưởng lớn bởi bối cảnh lịch sử, thể chế và truyền thống pháp luật của từng quốc gia. Do đó, việc áp đặt một mô hình cải cách mang tính phổ quát có thể không phù hợp với những đặc điểm đặc thù về văn hóa hành chính hoặc thể chế chính trị⁽²⁹⁾. Chẳng hạn, quy trình Musrenbang ở Indonexia thể hiện phương thức dân chủ hóa quản trị theo mô hình

phân quyền địa phương, trong khi mô hình quản trị kỹ trị của Xingapo ưu tiên tính hiệu quả và kiểm soát tập trung. Điều này đặt ra yêu cầu xây dựng một lý thuyết “địa phương hóa” trong cái cách nhà nước pháp quyền và quản trị, để đảm bảo tính khả thi và tính chính danh của các cải cách thể chế⁽³⁰⁾.

(5) Pháp luật: công cụ hỗ trợ hay giới hạn quản trị?

Một câu hỏi lý luận nền tảng liên quan đến vai trò kép của pháp luật trong quản trị được đặt ra là: Liệu pháp luật chủ yếu đóng vai trò hỗ trợ - tạo điều kiện cho quản lý nhà nước hiệu quả - hay vai trò công cụ giới hạn - kiểm soát quyền lực hành chính nhằm tránh hiện tượng lạm quyền? Một mặt, khung pháp luật tạo nền tảng cho sự minh định trách nhiệm, xác lập quyền hạn và thiết lập các cơ chế giám sát; mặt khác, nếu quá nhấn mạnh vào hình thức pháp luật và quy trình thì pháp luật có thể trở thành rào cản đối với sự năng động của hệ thống hành chính^(31; 32). Điều này đòi hỏi tiếp cận lý thuyết một cách tinh tế, coi pháp luật vừa là công cụ trao quyền, vừa là công cụ để giới hạn quyền lực trong thực thi công vụ.

Mô hình nhà nước pháp quyền được thể chế hóa ở Xingapo cho thấy mối liên kết hữu cơ giữa sự nghiêm ngặt của quy định pháp luật và hiệu quả quản lý hành chính trong thúc đẩy phát triển. Trường hợp Malaixia cho thấy rằng việc hiện đại hóa pháp luật, kết hợp với đổi mới công nghệ và mở rộng không gian tham gia của công chúng, có thể nâng cao chất lượng quản trị ngay cả trong điều kiện thể chế mang tính lai ghép.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng nhà nước pháp quyền cần được nhìn nhận như một “khuôn khổ pháp lý sống động” - không chỉ điều chỉnh hoạt động quản lý mà còn là nền tảng tạo lập các giá trị quản trị hiện đại. Trong bối cảnh

các quốc gia đang đối mặt với những thách thức phát triển ngày càng phức tạp, đặc biệt tại khu vực châu Á - Thái Bình dương, việc lồng ghép các nguyên tắc quản trị tốt vào văn hóa pháp luật và thể chế quản lý nhà nước trở thành một yêu cầu có tính chiến lược. Chỉ thông qua sự kết hợp hài hòa giữa tính hợp pháp và tính chính danh, các hệ thống quản trị mới có thể củng cố lòng tin xã hội, thúc đẩy công bằng, và thích ứng linh hoạt với những yêu cầu đổi mới trong tương lai.

Tóm lại, mối quan hệ giữa quản trị tốt và nhà nước pháp quyền là một lĩnh vực nghiên cứu phức tạp, cần được tiếp cận trên cả bình diện lý luận lẫn thực tiễn thể chế. Dù cả hai khái niệm đều là điều kiện cần thiết để xây dựng nhà nước hiện đại, song sự kết hợp hiệu quả giữa chúng không diễn ra một cách tự động mà được hiện thực hóa thông qua cải cách thể chế và cam kết chính trị nhất quán.

Kết luận

Bài viết đã khẳng định rằng quản trị tốt và nhà nước pháp quyền có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ và sâu sắc. Các nguyên tắc cốt lõi của quản trị tốt - bao gồm trách nhiệm giải trình, minh bạch và sự tham gia của công dân - không thể được hiện thực hóa đầy đủ nếu thiếu một hệ thống pháp luật ổn định, thống nhất và công bằng trong thực thi. Ngược lại, nhà nước pháp quyền không nên chỉ được hiểu như một thiết chế mang tính kỹ thuật hoặc một bộ quy phạm pháp luật đơn thuần, mà cần được nhìn nhận như nền tảng chuẩn tắc bảo đảm tính chính danh của quyền lực công, kiểm chế các xu hướng chuyên quyền, và củng cố sự liêm chính trong hệ thống quản lý nhà nước.

Các nghiên cứu tiếp theo cần tiếp tục phân tích cách thức các nguyên tắc này được thể chế hóa, thích nghi và thực thi trong các bối cảnh quốc gia cụ thể ❖

- (1) Ngân hàng Thế giới (1994), *Governance: The World Bank's Experience*, Washington D.C.: The World Bank.
- (2) (7) UNESCAP (2009), *What is Good Governance?*, United Nations Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, Bangkok.
- (3) Commission on Global Governance (1995), *Our Global Neighbourhood*, Oxford: Oxford University Press.
- (4) Keping, Y (2010), *Democracy and the Rule of Law in China*, Leiden: Brill.
- (5) (27) Grindle, M. (2007), *Good Enough Governance Revisited*, Development Policy Review, Vol. 25, No. 5.
- (6) Jessop, B. (2008), *The Rise of Governance and the Risks of Failure: The Case of Economic Development*, International Social Science Journal, Vol. 50, Issue. 155.
- (8) Kaufmann, D., Kraay, A. & Mastruzzi, M. (2010), *The Worldwide Governance Indicators: Methodology and Analytical Issues*, World Bank Policy Research Working Paper No. 5430.
- (9) Bovens, M. (2007), *Analysing and Assessing Accountability: A Conceptual Framework*, European Law Journal, Vol. 13, No. 4.
- (10) Florini, A. (2007), *The Right to Know: Transparency for an Open World*, Columbia University Press.
- (11) Pierre, J. & Peters, B. G. (2000), *Governance, Politics and the State*, Macmillan.
- (12) Andrews, M. (2013), *The Limits of Institutional Reform in Development*, Cambridge University Press.
- (13) (26) Carothers, T. (1998), *The Rule of Law Revival*, Foreign Affairs, Vol. 77, No. 2.
- (14) (28) Kjaer, A. M. (2004), *Governance*, Polity Press.
- (15) (19) United Nations (2011), *Rule of Law Indicators: Implementation Guide and Project Tools*, UN Publications, New York.
- (16) United Nations (1945), *Charter of the United Nations and Statute of the International Court of Justice*, San Francisco.
- (17) (18) United Nations (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, New York.
- (20) United Nations (1970), *Declaration on Principles of International Law concerning Friendly Relations and Co-operation among States*, General Assembly Resolution 2625 (XXV).
- (21) (22) Dicey, A. V. (1885), *Introduction to the Study of the Law of the Constitution*, London: Macmillan.
- (23) Kramer, M. H. (2008), *Where Law and Morality Meet*, Oxford University Press.
- (24) Tamanaha, B. Z. (2004), *On the Rule of Law: History, Politics, Theory*, Cambridge University Press.
- (28) Peerenboom, R (2002), *China's Long March toward Rule of Law*, Cambridge University Press.
- (29) Andrews, M (2013), *The Limits of Institutional Reform in Development: Changing Rules for Realistic Solutions*, Cambridge University Press.
- (30) Santos, B. S (2006), *The Heterogeneous State and Legal Pluralism in Mozambique*, Law & Society Review, Vol. 40, Issue. 1, pp. 39–76.
- (31) Weber, M (1978), *Economy and Society: An Outline of Interpretive Sociology*, Eds. Guenther Roth and Claus Wittich, University of California Press.
- (32) Scott, J.C (1998), *Seeing Like a State: How Certain Schemes to Improve the Human Condition Have Failed*, Yale University Press.